

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và Điều 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của ông Nguyễn Đình H (tức Nguyễn Trung H1) và bà Nguyễn Thị L;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2024 về việc yêu cầu ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung của ông Nguyễn Đình H (Nguyễn Trung H1).

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 20 tháng 02 năm 2025 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải là ông Nguyễn Đình H (tức Nguyễn Trung H1), sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973, cùng cư trú tại: số B ngõ A, khu B, phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 20 tháng 02 năm 2025 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 20 tháng 02 năm 2025, cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Ông Nguyễn Đình H (tức Nguyễn Trung H1) và bà Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Ông H1 và bà L có 03 (ba) con chung là Nguyễn Đình H2, sinh năm 1994; Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 2006 (đã thành niên) và Nguyễn Thảo N, sinh ngày 19/01/2011. Các bên thống nhất bà L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thảo N đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Con chung Nguyễn Đình H2 và Nguyễn Thị

Phương T đã thành niên nên các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** sự thỏa thuận của các bên về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân như sau:

+) Ông H1 được quyền sử dụng diện tích 97m² đất tại xóm C, thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên theo Quyết định số 04/QĐ ngày 16/6/1997 của UBND xã P, huyện C (nay là huyện K), tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hưng Yên) và sở hữu tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 3 tầng có diện tích 300m².

+) Bà L được quyền sử dụng thửa đất số 14 lô 09, diện tích 72m² tại khu Đ, phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK683931, số vào sổ cấp GCN: CH00667 do UBND thành phố M, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 30/03/2018 mang tên ông Nguyễn Đình H cùng vợ là bà Nguyễn Thị L và sở hữu tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 03 tầng diện tích 210m².

Hai bên không ai phải trả tiền chênh lệch chia tài sản chung cho nhau.

+) Đối với tài sản chung còn lại là quyền sử dụng diện tích 300m² đất và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 03 tầng diện tích 210m² thuộc thửa đất số 200, tờ bản đồ số 18 có địa chỉ tại phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; thời hạn sử dụng đến ngày 11/8/2047 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS077962, số vào sổ cấp GCN CT20930 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/10/2020 mang tên Công ty TNHH T1, hiện ông H bà L đang cho thuê với giá 10.000.000đồng/tháng.

Tài sản này chưa chia, các bên thống nhất kể từ ngày 10 tháng 03 năm 2025 bà Nguyễn Thị L được sử dụng toàn bộ số tiền cho thuê nhà 10.000.000đồng/tháng để nuôi con chung Nguyễn Thảo N đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

- **Về khoản nợ chung:** không có.

- **Về các vấn đề khác:** không có.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP. Móng Cái;
- Chi cục THADS TP. Móng Cái;
- UBND xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Các bên tham gia hòa giải;
- Lưu.

THẨM PHÁN**Nguyễn Chí Mạnh**